

Bản án số: 18 /2023/HS - ST
Ngày 29/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Ma Thị Thâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Triu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Nhà văn hóa xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân huyện Pác nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2023 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 10 năm 1989 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Tin lành; quốc tịch Việt Nam; con ông Hoàng A C, đã chết và bà Hậu Thị D; chồng: Ma A C1, sinh năm 1988; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, huyện P, từ ngày 27/5/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Phương B – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P. Đại diện theo pháp luật:

Ông Đào Duy H. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn N. Chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Bà Trang Thị N1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2022, Hoàng Thị T đi đến Khu rừng sản xuất tại Lô D, Lô E, K, Tiểu khu A thuộc trạng thái rừng tự nhiên hỗn giao tre nứa - gỗ núi đất (HG2) và Lô D, khoảnh 5, Tiểu khu A thuộc trạng thái rừng tự nhiên lá rộng thường xanh trữ lượng trung bình (TXB) tại thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, do UBND xã G, huyện P quản lý, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây T đã dùng dao quắm, cưa cầm tay phát, chặt cây vầu, cây gỗ, bụi cây, dây leo với mục đích phát phá rừng lấy đất để trồng cây gỗ mỡ, T một mình phát phá khoảng hai tuần thì được 12.155m². Khoảng tháng 3 năm 2023, sau khi dùng bật lửa đốt cháy rừng phát phá và nhờ ông Hoàng Văn S, sinh năm 1980, trú tại thôn C, xã C và bà Trang Thị N1, sinh năm 1984, trú tại thôn K, xã G giúp trồng cây gỗ mỡ, cây ngô trên toàn bộ diện tích rừng đã phát phá. Thia tiếp tục dùng dao quắm, cưa cầm tay phát phá thêm khu rừng liền kề, T một mình phát phá khoảng hai ngày thì được 2.418 m². Tổng diện tích rừng tự nhiên sản xuất, Hoàng Thị T hủy hoại là 14.573m². Ngày 25/4/2023, sau khi tuần tra phát hiện rừng bị hủy hoại, H huyện P đã lập biên bản sự việc và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để giải quyết theo quy định.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P xác định: Hiện trường rừng bị hủy hoại là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên hỗn giao tre nứa - gỗ, núi đất (HG2) và rừng tự nhiên lá rộng thường xanh trữ lượng trung bình (TXB) theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 1794 ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vị trí tại Lô D, Lô E, K, Tiểu khu A và Lô D, khoảnh 5, Tiểu khu A thuộc thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Sử dụng máy đo định vị vệ tinh GPS MAP 65s, máy đo do Hạt Kiểm lâm huyện P cung cấp xác định, tại Lô E, K, T là 12.982 m²; Lô 45, K, T là 1.025m²; Lô 40, K, T là 566 m², tổng diện

tích rừng bị hủy hoại là 14.573m². Số lượng cây vầu bị chặt hạ được kiểm kê theo ô tiêu chuẩn thực hiện theo Thông tư số 33 ngày 16/11/2018 của Bộ N2, xác định: Số cây vầu bị thiệt hại là 6.328 cây. Trên bề mặt rừng bị hủy hoại có diện tích 2.418 m² chưa bị đốt cháy, bề mặt có các cây vầu, thảm thực vật bị chặt hạ, đổ ngổ ngang theo nhiều hướng. Phần diện tích còn lại đã bị đốt cháy có các gốc cây vầu, gốc cây gỗ có vết cắt nham nhở, có vết sắc gọn, gốc và cây gỗ bị chặt hạ đã bị cháy đen phần vỏ, bề mặt có cỏ, ngô, cây gỗ cỡ cao trung bình từ 0,3 mét đến 0,4 mét và có nhiều mùn đen hình thành do đốt cháy. Có 33 cây gỗ bị cưa đổ chưa cắt khúc, khối lượng (gỗ tròn) là 2,365m³; 33 khúc (gồm gốc, thân, cành) khối lượng (gỗ tròn) là 1,390m³; 60 cây gỗ chưa bị chặt hạ có tổng khối lượng lâm sản (gỗ tròn) 8,962m³ và có 1.100 cây vầu bị chặt hạ, có đường kính từ 0,02mét đến 0,13mét, dài từ 5 mét đến 17 mét. Các cây gỗ bị chặt hạ và cây gỗ chưa chặt hạ đều là nhóm gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và có vỏ cây đã khô, bị cháy lẹm, lá cây đã rụng, một số cây chưa chặt còn lá đã héo khô.

Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện P kết luận: Tại thời điểm bị hủy hoại, 33 cây gỗ bị cưa đổ, chưa cắt khúc, khối lượng gỗ tròn 2,365m³, gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII trị giá 1.300.750 đồng; 33 khúc gỗ, khối lượng gỗ tròn 1,390 m³ từ nhóm VII đến nhóm VIII trị giá 764.500 đồng; 60 cây gỗ chưa chặt hạ (đã chết), khối lượng gỗ tròn 8,962m³ từ nhóm V đến nhóm VIII trị giá 4.929.100 đồng; 5.228 cây vầu, có đường kính từ 0,01 đến 0,12 mét, dài từ 0,5 đến 17 mét, trị giá 7.842.000 đồng và 1.100 cây vầu có đường kính từ 0,02 đến 0,13 mét, dài từ 0,5 đến 17 mét có trị giá 1.650.000 đồng. Tổng trị giá của cây gỗ và cây vầu là 16.486.350 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Hoàng Thị T khai nhận: Mặc dù không xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không được thiết kế trồng rừng, thấy khu rừng tự nhiên không có người quản lý nên bị cáo đã phát phá để trồng cây gỗ cỡ. Khi phát phá rừng, bị cáo để lại một số cây gỗ không chặt hạ, số cây này đã bị chết do bị cáo đốt rừng cháy. Một phần rừng bị cáo phát phá chưa kịp đốt để trồng cây thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để khắc phục hậu quả.

Vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án:

60 cây cây gỗ (chưa bị chặt hạ) đã chết do bị đốt, tổng khối lượng (gỗ tròn) 8,962m³; 33 cây bị cưa đổ chưa cắt khúc, tổng khối lượng (gỗ tròn) 2,365 m³; 33 khúc gỗ, tổng khối lượng gỗ tròn 1,390 m³, gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII, (gồm gốc, thân, cành) và 1.100 cây vầu bị chặt hạ có đường kính từ 0,02

mét đến 0,13 mét, dài từ 05 mét đến 17 mét. Đã giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Pác Nặm quản lý.

01 (một) con dao quắm màu đen bằng kim loại, một mặt sắc, kích thước bản rộng 0,05m, dài 0,33m, có cán bằng gỗ hình trụ dài 0,21m, đã qua sử dụng; 01 (một) cưa tay bằng kim loại màu đen, một mặt có răng cưa, kích thước bản rộng 0,07m, dài 0,58m, có cán bằng gỗ không rõ hình dài 0,16m, đã qua sử dụng. Hiện đang được tạm giữ theo quy định.

Đối với bật lửa gas mà bị cáo sử dụng để đốt rừng, quá trình điều tra không thu giữ được

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện P, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn N - chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về kết quả khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản và việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSPN ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với Hoàng Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự về tội “*Tội hủy hoại rừng*”. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm

.....

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm trong phân luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền 2.0000.000 đồng.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Người bào chữa cho bị cáo nhận thấy việc xét xử bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường thiệt hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

* Nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện P số tiền 2.000.000đ.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Do có nhu cầu của gia đình, bị cáo đã có hành vi phát phá rừng để trồng cây gỗ mỡ, nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, Hoàng Thị T đã có hành vi hủy hoại 14.573 m² rừng sản xuất tự nhiên tại Lô E, Lô D, Lô D, khoảnh 5, Tiểu khu A, thuộc thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Tổng lâm sản bị chặt hạ 12,717m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 6.328 cây vầu có đường kính từ 0,01cm đến 0,12 cm, có tổng giá trị 16.486.350 đồng.

[3] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, làm gia tăng tình hình tội phạm về khai thác và bảo vệ rừng trên địa bàn. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trong khi bị cáo có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ nên cũng hạn chế về nhận thức pháp luật, vì vậy khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác nặm nhằm bồi thường thiệt hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51/BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn đảm bảo giáo dục, cải tạo được bị cáo, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo, cho bị cáo được giáo dục, thử thách tại địa phương để bị cáo có điều kiện cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về hình phạt bổ sung và án phí: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn xin vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 2.000.000^d, bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm bồi thường thiệt hại. Căn cứ vào sự thỏa thuận của bị cáo với người đại diện của nguyên đơn dân sự tại phiên tòa, cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy bản cáo trạng số 13/CT-VKSPN ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với Hoàng Thị T theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự về tội “*Tội hủy hoại rừng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[8] Về các nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa gồm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự, xử phạt đối với bị cáo Hoàng Thị T mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; về hình phạt bổ sung và án phí không áp dụng; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Xét nội dung đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được xem xét chấp nhận.

[10] Về vật chứng của vụ án:

Tổng số gồm 60 cây cây gỗ (chưa bị chặt hạ) đã chết do bị đốt, tổng khối lượng (gỗ tròn) 8,962m²; 33 cây bị cưa đổ chưa cắt khúc, tổng khối lượng (gỗ tròn) 2,365 m³; 33 khúc gỗ, tổng khối lượng gỗ tròn 1,390 m³, gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII, (gồm gốc, thân, cành) và 1.100 cây vầu bị chặt hạ có đường kính từ 0,02 mét đến 0,13 mét, dài từ 05 mét đến 17 mét. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã giao cho Ủy ban nhân dân xã G phối hợp với Hạt

Kiểm lâm huyện P quản lý. Đây là tài sản của nhà nước do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, về giá trị thiệt hại giữa bị cáo và nguyên đơn dân sự đã thỏa thuận mức bồi thường. Do đó số vật chứng này cần được tịch thu, hóa giá để sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 con dao quắm màu đen bằng kim loại, một mặt sắc, kích thước bản rộng 0,05m, dài 0,33m, có cán bằng gỗ hình trụ dài 0,21m, đã qua sử dụng và 01 cưa tay bằng kim loại màu đen, một mặt có răng cưa, kích thước bản rộng 0,07m, dài 0,58m, có cán bằng gỗ không rõ hình dài 0,16m, đã qua sử dụng. Đây là công cụ phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị, nay cần tịch thu, tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về các nội dung khác:

Đối với những người liên quan gồm: Ông Hoàng Văn S và bà Trang Thị N1 được giúp bị cáo trồng cây gỗ mỡ sau khi rừng bị hủy hoại, tuy nhiên ông S và bà N1 không biết rừng bị cáo hủy hoại chưa được thiết kế trồng rừng, do vậy không đề cập xử lý đối với ông Hoàng Văn S và bà Trang Thị N1 là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội “Hủy hoại rừng”

[2]. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/11/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện của nguyên đơn dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

Tạm giữ số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000774, ngày 25/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước các vật chứng gồm:

60 cây cây gỗ (chưa bị chặt hạ) đã chết do bị đốt, tổng khối lượng (gỗ tròn) 8,962m²; 33 cây bị cưa đổ chưa cắt khúc, tổng khối lượng (gỗ tròn) 2,365 m³; 33 khúc gỗ, tổng khối lượng gỗ tròn 1,390 m³, gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII, (gồm gốc, thân, cành) và 1.100 cây vầu bị chặt hạ có đường kính từ 0,02 mét đến 0,13 mét, dài từ 05 mét đến 17 mét.

(Số lượng, khối lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

01 con dao quắm màu đen bằng kim loại, một mặt sắc, kích thước bản rộng 0,05m, dài 0,33m, có cán bằng gỗ hình trụ dài 0,21m, đã qua sử dụng và 01 cưa tay bằng kim loại màu đen, một mặt có răng cưa, kích thước bản rộng 0,07m, dài 0,58m, có cán bằng gỗ không rõ hình dài 0,16m, đã qua sử dụng.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

[7]. Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người đại diện của nguyên đơn dân sự (01b)
- Người bào chữa. (01b)
- UBND xã Giáo Hiệu (khi có hiệu lực)
- Lưu hs;

Phạm Tiến Đại